

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

E-ĐKC 1.3	Chủ đầu tư : CÔNG TY TRUYỀN TẢI ĐIỆN 1 Địa chỉ: số 15 Cửa Bắc, P. Ba Đình, TP. Hà Nội; Số tài khoản;; Mã số thuế: 0102743068-005; Điện thoại: 0989099674; Email: dauthau.ptc1@gmail.com.
E-ĐKC 1.5	Địa điểm cung cấp dịch vụ là: <i>- Tại trạm biến áp 500kV Vũng Áng- Thôn Hải Phong, Phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh.</i> <i>- Tại trạm biến áp 220kV Vũng Áng thuộc Tổ dân phố Trường Sơn, phường Vũng Áng, Tỉnh Hà Tĩnh.</i>
E-ĐKC 1.11	Nhà thầu: _____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: <i>1. Các tài liệu kỹ thuật liên quan.</i> <i>2. Công khai thông tin về quy định của Tập đoàn điện lực Việt Nam khi đánh giá quá trình thực hiện Hợp đồng:</i> <i>- Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã có Quyết định số 514/QĐ-EVN ngày 17/4/2025 về việc ban hành Hướng dẫn về đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam (Quyết định 514).</i> <i>- Quyết định 514 nêu trên đã được đăng tải trên mục Văn bản pháp quy của Hệ thống Thông tin Quản lý Đấu Thầu của EVN tại địa chỉ https://dauthau.evn.com.vn/.</i> <i>- Đề nghị các nhà thầu truy cập đường dẫn tại địa chỉ https://dauthau.evn.com.vn/ để tìm hiểu các thông tin quy định của EVN trong quá trình hiện Hợp đồng</i> <i>3. Các tài liệu khác liên quan.</i>

<p>E-ĐKC 4.1</p>	<p>Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người nhận: <i>Bộ phận Kế hoạch – Đội Truyền tải điện Hà Tĩnh.</i> - Địa chỉ: <i>Số 30, đường Nguyễn Hoàn Trì, Phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh.</i> - Điện thoại: <i>DD: 0916987788</i> - Fax: - Địa chỉ email: <i>tlongtvxld@gmail.com.</i>
<p>E-ĐKC 5.2</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3 % giá hợp đồng. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến. <i>(Tham chiếu đến tệp đính kèm)</i> - Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng cách nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam và là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu, theo Mẫu số 15 Phần 4. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng). - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này. - Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là (3) phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A (bên mời thầu) và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện. - Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B (nhà thầu) phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 3 phần trăm (%)

	<p>giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; + Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng; + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích. + Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. - Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trường hợp cung cấp dịch vụ mà vẫn còn các tồn tại mà bên B phải khắc phục thì bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 5.4	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được bên A giải tỏa và trả lại cho bên B không chậm hơn 14 ngày kể từ ngày hoàn thành các nghĩa vụ thực hiện bao gồm các nghĩa vụ đảm bảo được nêu trong hợp đồng.</p> <p>Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong các trường hợp theo quy định tại khoản 6, Điều 68 của Luật đấu thầu số 22/2023/QH15.</p>
E-ĐKC 6.1	<p>Danh sách nhà thầu phụ: Không áp dụng.</p>
E-ĐKC 6.2	<p>Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 0% giá hợp đồng [<i>Hệ thống trích xuất theo Mục 27.2 E-CDNT</i>].</p>

E-ĐKC 6.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Không áp dụng
E-ĐKC 10.1	Loại hợp đồng: Trọn gói.
E-ĐKC 10.2	Giá hợp đồng: Cố định
E-ĐKC 11	Điều chỉnh thuế: Được phép.
E-ĐKC 12.1	Tạm ứng: Không áp dụng
E-ĐKC 13.1	<p>Phương thức thanh toán:</p> <p>Chủ đầu tư (Bên A) giao cho các đơn vị Truyền tải điện khu vực (Đơn vị trực tiếp quản lý các trạm/mục tiêu bảo vệ) có trách nhiệm thực hiện các thủ tục thanh toán cho nhà thầu (Bên B) như sau: Đơn vị được giao thực hiện thanh toán: Đội Truyền tải điện Hà Tĩnh, khối lượng công việc (số trạm/mục tiêu được bảo vệ) : 02</p> <p>* Hình thức thanh toán: Thanh toán được thực hiện hàng tháng, bằng chuyển khoản 100% cho Bên B qua Ngân hàng bằng đồng tiền Việt Nam đồng (VNĐ). Bên B chịu phí chuyển tiền.</p> <p>* Phương thức thanh toán: Giá trị phần dịch vụ sẽ được Bên A thanh toán cho Bên B trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được Văn bản đề nghị thanh toán kèm theo đầy đủ các chứng từ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thanh toán của Bên B, kèm theo: - Biên bản nghiệm thu giữa Bên A và Bên B. - Lịch trực ca hàng tháng. - Biên bản xác nhận nội dung, chất lượng, khối lượng công việc do người có thẩm quyền của đơn vị quản lý tài sản xác nhận (kèm bảng chấm công). Xác nhận chất lượng dịch vụ ký giữa 2 bên được đánh giá “đạt” mới thanh toán 100% giá trị theo hợp đồng. - Hóa đơn GTGT tương ứng giá trị thanh toán thực tế theo quy định của Bộ Tài Chính. - Các nội dung khác (nếu có)..
E-ĐKC 13.2	Giảm trừ thanh toán: Không Áp dụng

E-ĐKC 15

Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:

- Chỉ áp dụng phạt vi phạm hợp đồng.
- Chỉ áp dụng bồi thường thiệt hại.
- Vừa áp dụng phạt vi phạm hợp đồng vừa áp dụng bồi thường thiệt hại.

1. Phạt vi phạm hợp đồng : Áp dụng.

Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:

Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 16 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với : 1 %/tuần cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 8 %. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 19 E-ĐKC.

Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với 100 % chi phí cần thiết để khắc phục sai sót.

2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.

- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;
- Bên B chịu trách nhiệm bồi thường 100% giá trị tổn thất, thiệt hại do mất mát tài sản của Bên A trong mục tiêu phạm vi khu vực bảo vệ có nguyên nhân từ những hành vi đột nhập từ bên ngoài vào khu vực bảo vệ.
- Đối với những tổn thất, thiệt hại mất mát tài sản của Bên A bên trong phạm vi cơ sở của Bên A do những nguyên nhân an ninh khác (không đề cập ở khoản 1 nêu trên) gây ra thì dựa trên cơ sở xác định lỗi, mức độ thiệt hại để thỏa thuận bồi thường hoặc kết luận của cơ quan có thẩm quyền làm căn cứ bồi thường.
- Trong trường hợp do lỗi cố ý hay vô ý của bên B gây tổn thất, thiệt hại do mất mát tài sản của Bên A trong mục tiêu phạm vi khu vực bảo vệ (trừ trường hợp có thỏa thuận khác) Bên B vẫn phải chịu trách nhiệm dân sự và phải chịu rủi ro.

Việc bồi thường của Bên B cho những tổn thất, thiệt hại, mất mát tài sản của Bên A phải được thực hiện trong vòng 30 ngày kể từ ngày hai bên thống nhất bằng văn bản hợp pháp về hình thức và mức độ đền bù.

E-ĐKC 17.1(c)	Các nội dung khác về sửa đổi hợp đồng: Sẽ tiến hành thương thảo trong thương thảo hoàn thiện hợp đồng.
E-ĐKC 17.4	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 18 (e)	Các trường hợp khác: Sẽ tiến hành thương thảo trong thương thảo hoàn thiện hợp đồng.
E-ĐKC 20.1	<p>Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như sau:</p> <p>Nhà thầu cung cấp dịch vụ chịu trách nhiệm về chất lượng dịch vụ cung cấp theo đúng hợp đồng được ký kết. Việc nghiệm thu của Bên A (đại diện chủ đầu tư) không thay thế và không làm giảm trách nhiệm về chất lượng dịch vụ do nhà thầu cung cấp kể cả sau thời gian bảo hành trừ các trường hợp mà sai sót không phải lỗi Nhà thầu hoặc do nguyên nhân khách quan hay bất khả kháng.</p> <p><i>Bất khả kháng là những sự kiện hoặc trường hợp bất thường:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Nằm ngoài khả năng kiểm soát của một bên; + Bên đó không thể dự phòng một cách hợp lý trước khi ký kết hợp đồng; + Đã xảy ra mà bên đó không thể tránh được hoặc không khắc phục được một cách hợp lý + Thực tế không thể quy cho bên kia. <p>Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: Khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải có trách nhiệm kịp thời khắc phục sai sót trong khoảng thời gian hợp lý mà Chủ đầu tư quy định trong thông báo.</p>
E-ĐKC 21.2	Thời gian Nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư.
E-ĐKC 22.2	<p>- Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày từ khi phát sinh tranh chấp (hoặc một thời gian khác do hai bên thoả thuận vào khi tranh chấp phát sinh).</p> <p>- Giải quyết tranh chấp: Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì hai bên phải cùng bàn bạc giải quyết. Sau thời gian quy định trên nếu Bên A và Bên B không thể giải quyết được vấn đề tranh chấp thì hai bên chọn Toà án cấp có thẩm quyền có địa điểm đặt tại địa bàn Bên A để được xét xử giải quyết. Phán quyết của Toà án là tối thượng cuối cùng buộc hai bên phải chấp hành. Bên có lỗi chịu mọi chi phí liên quan đến Toà án.</p>

Thời hạn để nhà thầu thực hiện quyền phản đối, khiếu nại đối với các quyết định xử lý vi phạm, quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng của chủ đầu tư (nếu có) là 90 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được các quyết định đó. Hết thời hạn này, nếu nhà thầu không có văn bản phản đối thì các quyết định xử lý vi phạm của chủ đầu tư sẽ là căn cứ để đánh giá năng lực kinh nghiệm và uy tín nhà thầu khi tham gia các gói thầu tương tự, trừ trường hợp nội dung phản đối đã được tòa án hoặc trọng tài thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật về tố tụng.

Luật áp dụng: Luật Việt Nam.